TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 150/2025/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung" của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị P1**, sinh năm 1974

Số CCCD: 001174026xxx do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/4/2021.

Nơi cư trú: Tổ A, phường A, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn***: Anh **Bùi Thế P2**, sinh năm 1972

Số CCCD: 022072005xxx do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 02/12/2022.

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P1 và anh Bùi Thế P2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của giữa chị Nguyễn Thị P1 và anh Bùi Thế P2, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị P1 và anh P2 thống nhất xác định có 01 con chung là cháu Bùi Thế Vinh, sinh ngày 24/6/1998. Nay cháu Vinh đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng (là động sản và bất động sản): Chị P1 và anh P2 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Chị P1 và anh P2 không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị P1 chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Chị P1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003959 ngày 11/8/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội. Hoàn trả Chị P1 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Hà Nội;
- UBND xã T, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 do UBND xã K, huyện G, thành phố Hà Nội - Nay là UBND xã T, thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 08/01/1997);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đam